

ĐẤT GÒ CÔNG: MỘT SỐ ĐẶC THÙ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Tiến sĩ Trần Văn Đạt^{1/}

1. Tổng Quan

Dù dưới hình thức địa danh hành chánh nào, vùng đất Gò Công vẫn được biết đến cả nước do tiếng thơm còn lại của quá khứ, chẳng hạn các trận đánh nổi tiếng ở Đầm Vạn Thắng của anh hùng Võ Tánh, Ngô Tùng Châu; cuộc kháng chiến hào hùng chống Pháp ở Cần Giuộc, “Đám lá tối trời” của Phó Quản Trương Định; nữ lưu nổi tiếng khắp nước như Hoàng Thái Hậu Từ Dũ, Nam Phương Hoàng Hậu, nữ sĩ Mạnh Mạnh; tiểu thuyết gia bình dân Hồ Biểu Chánh... Về địa lý, Gò Công phía đông-bắc giáp với thành phố Sài Gòn; phía bắc giáp tỉnh Long An; phía tây giáp huyện Chợ Gạo, Tiền Giang; phía nam giáp tỉnh Bến Tre và phía đông có biển Đông. Diện tích thiên nhiên độ 661,07 km² hay 66.107 ha (GC Đông: 35.776 ha, GC Tây: 27.230 ha và Thị xã GC: 3.101 ha) (1).

Tùy theo tầm mức quan trọng chính trị và kinh tế của mỗi thời kỳ, vùng đất này thay đổi địa danh hành chánh liên miên, từ phủ Lô Lạp (1.756) thành huyện Tân Hòa (1.832), Sở Tham Biện Gò Công (1.864), Quận Gò Công (1.899), tỉnh Gò Công (1.924), quận Hòa Đông và quận Gò Công (1.956), tỉnh Gò Công (1.964) và nay trở thành huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây (sau tháng 4/1.975) (2 và 3). Điều này đã làm xao xuyến nhân tâm và lòng trần trở của người địa phương không ít trong nhiều thập niên qua. Hầu hết cư dân đều mong mỗi vùng đất Gò được tái lập ranh giới hành chánh ở cấp tỉnh để có thể phát huy mạnh tiềm năng sẵn có của vùng và tạo phúc lợi nhiều hơn cho người dân bản địa.

Chính sách giảm bớt số lượng cấp tỉnh ở miền Nam hiện nay chỉ nhằm tái phân bố quyền lực chính trị trong nước. Thuở trước, lịch sử đã từng cho biết tầm quan trọng về kinh tế chính trị ngày càng lên cao hơn, nên Gò Công đã được nâng lên cấp huyện từ 1.832, trở thành tỉnh từ 1.924-1.955 và 1.964-1.975. Hiện nay dân số của Gò Công độ 402.212 người (GC Đông:184.262, GC Tây: 164.618 và thị xã GC: 53.332 người) (1), tăng gấp đôi của năm 1.972 (203.339 người), nhưng vẫn chưa được tái lập hành chánh cấp tỉnh theo nguyện vọng tha thiết của người địa phương.

Ngoài lý do trên, sự phát triển kinh tế của vùng đất Gò Công còn chậm, chưa khai thác hết tiềm năng, chủ yếu do hạ tầng cơ sở yếu kém, thiếu năng động của các cấp quản lý liên hệ để phát triển tối đa tiềm lực của vùng như: địa lý của đất Gò rất gần với Sài Gòn, tiếp cận biển cả mệnh mông, có các khu rừng ngập nước, các di tích lịch sử nổi tiếng, thắng cảnh và con người cởi mở nhiệt tình.

^{1/} *Quê quán xã Tân Phước, Gò Công Đông, cựu Chánh chuyên gia và Thư ký điều hành Ủy Ban Lúa Gạo Quốc tế, Tổ Chức Lương Nông Quốc Tế (FAO), Rome, Italy (1982-2004).*

Trong bài viết này, lịch sử thành lập Gò Công và một số đặc thù của vùng đất này được tóm lược để có thể hiểu rõ hơn ưu khuyết điểm của đất Gò trong công cuộc phát triển kinh tế và văn hóa tương lai.

2. Lịch Sử Tóm Lược Thành Lập Đất Gò Công

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trong đó có vùng đất Gò Công có thể là một trong những vùng đất còn trẻ của châu Á, tái xuất hiện lần cuối cùng vào *thời đại đồ đá mới muộn*, cách nay độ 5.000 năm, do kết quả của biển tiến và phù sa thượng lưu bồi đắp (4). Khoảng 4.000-4.500 năm cách ngày nay, mực nước đạt cực đại, cao hơn hiện nay độ +5 m. Toàn bộ đồng bằng ven biển bị ngập nước. Đến 2.500-3.000 năm trước, biển rút tới độ cao +2 m rồi dừng lại mức đó một thời gian. Sau đó tiếp tục biển lùi cho đến nay (5).

Đất nước Việt Nam mới được nhắc đến trong lịch sử nhân loại cách nay hơn 4.000 năm, khi sử giả đầu tiên của Việt Thường (đất Thuận Hóa từ Quảng Trị đến Quảng Nam), một trong 15 bộ của nước Văn Lang, sang châu và dâng tặng “rùa thần” dài độ một thước cho vua Đường Nghiêu vào năm Mậu Thân, năm thứ Năm (nhà Đường: 2.357-2.258 tr CN) (6). Riêng ĐBSCL trước kia ở phía tây nam có nền văn hóa Óc Eo rực rỡ của nước Phù Nam phát triển sớm hơn sử Tàu ghi chép, khoảng 200 năm trước Công Nguyên, với một thương cảng sầm uất qua trao đổi thương mại cùng Ấn Độ, Trung Quốc, La Mã và Ba Tư (7, 8).

Vì dân số gia tăng và dưới sức ép của Bắc phương, tộc Việt đã bắt đầu cuộc Nam tiến, sớm nhất trong thời kỳ độc lập vào cuối thế kỷ X khi vua Lê Đại Hành đem quân đánh chiếm kinh thành nước Chiêm Thành vào năm 982, nhưng rút quân về nước. Năm 1069, vua Lý Thánh Tông lại đánh chiếm nước Chiêm vì nước này sách nhiễu biên giới. Vua Chiêm là Chế Củ dâng 3 châu để chuộc tội, nay thuộc tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị. Cuộc Nam tiến này tiếp tục trong triều đại nhà Trần với cuộc trao đổi Công chúa Huyền Trân để lấy Thuận Châu và Hóa Châu năm 1306, nhà Hồ chiếm đất Quảng Nam và Quảng Ngãi năm 1402 và bộc phát mạnh mẽ vào thời kỳ chúa Trịnh - Nguyễn phân tranh (1.533-1.788). Chúa Nguyễn muốn củng cố thế lực của mình và muốn làm vương một cõi ở phương Nam nên phát động rầm rộ, không ngừng các chiến dịch Nam tiến để khai khẩn đất mới, bành trướng lãnh thổ. Đến 1.697, nước Chiêm không còn nữa (9).

Cuộc hôn nhân giữa công chúa Ngọc Vạn (con thứ của chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên, 1.613-1.635) và vua Thủy Chân Lạp Chey Chetta II vào năm 1.621 đã mở đầu cho cuộc di dân tiến vào đồng bằng sông Cửu Long còn hoang vu, nhiều rừng rậm, thú dữ và khí hậu độc địa (9, 10). Người dân ở miền Nam Trung Phần, nhất là từ Quảng Nam và Quảng Ngãi đã được chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1.649-1.686), Nguyễn Phúc Chu (1.691-1.725) khuyến khích di cư vào vùng đất Chân Lạp lập nghiệp, trong đó có nhiều người đi bằng đường biển với ghe bầu nan đến vùng đất Mô Xoài (Bà Rịa), Đồng Nai (Biên Hòa), Lôi Lạp (Gò Công) qua sông Soai Rạp, Cửa Tiểu và Cửa Đại (11).

Năm 1.756, vua Nặc Nguyên của Thủy Chân Lạp thua trận đánh với Chúa Nguyễn nên dâng hai phủ Tâm Bôn (Tân An) và Lôi Lạp (còn gọi là Xui Rap hay Soai Rap) (9). **Lôi Lạp** là địa phận của vùng đất Gò Công²¹ ngày nay. Những người dân đầu tiên đến lập nghiệp sinh sống ở đất Gò thường cư ngụ trên các giồng đất cao phì nhiêu có nước ngọt, làm cho người Miền bản xứ phải lần lượt bỏ đi. Về phương diện hành chánh, đất Gò Công trải qua lắm lần thay đổi như sau (2, 3 và 11):

Năm 1.698, sau thời gian phát triển, Chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh tổ chức đơn vị hành chánh Miền Nam và vùng đất Lôi Lạp (Gò Công) thuộc quận Tân Bình, dinh Phiên Trấn (Gia Định).

Năm 1.756 Phủ Lôi Lạp được sáp nhập vào tổng Kiến Hòa, châu Định Viễn, dinh Long Hồ.

Năm 1.779 thuộc tổng Kiến Hòa, huyện Kiến Khương, dinh Trường Đồn (1.781 đổi thành Trấn Định).

Năm 1.808 thuộc Tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường.

Năm 1.831 thuộc huyện Tân Hòa (huyện lỵ ở Đồng Sơn), tỉnh Định Tường.

Năm 1.841, huyện Tân Hòa được nâng lên thành phủ Hòa Thạnh, có hai huyện: Tân Hòa và Tân Thạnh.

Năm 1.892 “Sở Tham biện Gò Công” trong thời Pháp thuộc.

Năm 1.900, trở thành quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1.924, trở thành tỉnh Gò Công gồm 5 tổng và 40 làng.

Năm 1.955, tái lập quận Gò Công, tỉnh Định Tường.

Năm 1.965, trở lại tỉnh Gò Công, gồm 4 quận: Hòa Lạc, Hòa Tân, Hòa Bình và Hòa Đồng.

Sau 30-4-1.975, trở thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Khi chưa có dân Việt Nam đặt chân, vùng đất Lôi Lạp (Gò Công) thuộc nước Phù Nam xuất hiện từ thế kỷ II trước Công Nguyên. Đến thế kỷ VII, Phù Nam suy vong và bị nước Chân Lạp kiểm soát. Đa số dân Chân Lạp là người Khmer sinh sống với nghề trồng trọt và đánh cá. Trong thế kỷ IX và X, nước Chân Lạp chia thành hai vương quốc: Lục Chân Lạp và Thủy Chân Lạp. Phần lớn dân Khmer sinh sống ở vùng đất cao của Lục Chân Lạp (xứ Cao Miên ngày nay); còn đất Thủy Chân Lạp gồm cả Lôi Lạp có nhiều rừng rậm, đồng lầy, sông ngòi chằng chịt, nhiều thú dữ như cọp, heo rừng, cá sấu nên dân cư rất thưa thớt.

²¹ Tên Gò Công còn gọi là Khổng Tước Nguyên (vua Minh Mạng đổi tên) do hai truyền thuyết: (i) Vùng đất này có nhiều gò cao và nhiều chim công trú ngụ một thời, nên gọi là Gò Công và (ii) Vào lúc bắt đầu phòng trào di cư, vùng đất này có một người đàn bà tên Công đến lập nghiệp, mở quán buôn bán thức ăn cho người đến khẩn hoang. Nhờ đất đai phì nhiêu, người di cư ngày càng đến ở đông thành lập nhiều làng ấp, nên người dân gọi là Gò Bà Công, sau trở thành Gò Công.

Qua các sự kiện lịch sử: Vào năm 1.621 chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1.613-1.635) lập trạm thu thuế những người Việt Nam buôn bán và khai khẩn đất mới ở miền Nam, đến năm 1.698 chúa Nguyễn Phúc Chu cử Chưởng Cơ Nguyễn Hữu Cảnh làm Kinh Lược Sứ đất Chân Lạp để tổ chức các đơn vị hành chính ở đây; nhưng mãi đến năm 1.755 vua Chân Lạp Nặc Nguyên mới dâng hai phủ Lôi Lạp (Gò Công) và Tầm Bôn cho Chúa Nguyễn. Điều này cho biết vùng đất Thủy Chân Lạp quá rộng lớn mà dân Miên rất ít, sống rải rác, thiếu sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền trung ương Khmer. Cho nên, từ đầu thế kỷ XVII nhiều người Việt từ miền Trung (Quảng Bình trở vào) đã rời quê hương đi khẩn đất Chân Lạp công khai, mà họ không gặp trở ngại lớn lao nào từ phía Khmer.

3. Một Số Đặc Thù Của Đất Gò Công

3.1. Gò Công - Vùng đất khai khẩn sớm của ĐBSCL: Theo lịch sử, người dân di cư đến lập nghiệp rất sớm ở miền đông bắc ĐBSCL, do các chính sách khuyến khích của chúa Nguyễn. Đa số đi bằng đường biển vào Nam và trước hết đến vùng Bà Rịa để khai khẩn vùng đất cao của Miền Đông. Cũng có những đợt di cư lập nghiệp đi theo đường biển xuống vùng kế cận và tuyến đầu của ĐBSCL, qua vàm sông Soai Rạp, Cửa Tiểu và Cửa Đại, tức vùng đất Lôi Lạp vì nơi này có vị thế gần biển thuận tiện và đất đai phì nhiêu. Vào buổi đầu, những di dân này là những người tự nguyện hoặc theo các đoàn khai khẩn. Họ thường bắt đầu cuộc sống mới trên các gò đất cao ráo còn gọi là đất giồng để làm rẫy, nhờ nguồn nước ngọt quanh năm trong đất. Ở vùng Lôi Lạp này có rất nhiều giồng đất cao màu mỡ như: giồng Tre, giồng Cát (xã Yên Luông), giồng Tháp (Tân Niên Tây), giồng Sơn Qui (Tân Niên Trung), giồng Nâu (xã An Hòa), giồng Bà Lầy, giồng Bà Canh, giồng Đình (xã Tân Thành), giồng Ông Đi (xã Thạnh Nhựt), giồng Ông Huê (xã Vĩnh Bình), giồng Trôm (xã Bình Long) ... (1, 2).

Sau khi đã phát triển các vùng đất cao, người dân bắt đầu khai thác các vùng đất thấp hơn, đầm lầy, các khu rừng rậm để làm ruộng lúa nước. Do đó, gần cả thế kỷ XIX, vùng đất *Gò Công trở thành một nôi sản xuất lúa gạo lớn nhất của tỉnh Gia Định và cả Nam Kỳ*, có khả năng sản xuất dư thừa cho nhu cầu địa phương và xuất khẩu (12). Đất Gò Công được khai thác sớm hơn so với phần đất còn lại của ĐBSCL. Vào năm 1.873, Gò Công trồng 28.246 ha lúa, trong khi Vĩnh Long 28.784 ha, Mỹ Tho 34.238 ha và Chợ Lớn (gồm cả Cần Đước và Cần Giuộc) 37.340 ha. Gò Công có diện tích trồng lúa nhỏ, đứng hạng 4 về đất canh tác, nhưng vẫn còn giữ vị trí bậc nhất về sản xuất lúa trong Nam Kỳ (13). Về sau, nôi sản xuất lúa di chuyển về hướng tây nam của ĐBSCL khi thực dân phát triển các hệ thống kinh rạch để phục vụ cho mục tiêu xuất khẩu gạo của họ.

Lúc bấy giờ, các loại lúa gạo trên thị trường ở miền Nam được xếp thành 3 hạng gạo quan trọng (14):

- *Gạo Gò Công*: loại gạo hạt tròn và lớn, đại diện cho các tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Cần Thơ và Trà Vinh và có giá cao nhất nhờ xuất khẩu.

- *Gạo Bã Xào*: loại gạo hạt dài nhỏ, đại diện cho tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu và Rạch Giá.
- *Gạo Vĩnh Long* (hoặc *Long Hồ*): loại hạt gạo trung bình, đại diện cho Vĩnh Long, Sa Đéc và Tân An.

Ngoài ra, còn có gạo lúa nổi hay còn gọi lúa sạ có giá rẽ hơn ở Long Xuyên và Châu đốc, mới được khai thác từ đầu thế kỷ XX. Gò Công có gạo “**Cà Đung**” rất nổi tiếng trong nước bấy giờ. Các thương gia thu mua loại gạo này với giá tương đối cao so với các giống lúa khác để xuất khẩu, đặc biệt dành cho thị trường châu Âu vào cuối thế kỷ XIX. Thật vậy, sau khi chiếm 3 tỉnh Miền Đông, người Pháp nhận thấy tiềm năng lớn của nông nghiệp, chủ yếu sản xuất lúa gạo, có thể giúp họ kiếm được nguồn lợi tức to lớn và mau lẹ. Ngoài các chính sách khuyến khích người Hoa tham gia thương mại, thu mua lúa gạo, họ còn gửi các mẫu gạo Cà Đung Gò Công tham dự các cuộc triển lãm quốc tế kể từ năm 1.867 (15). Hạt gạo của loại lúa này tròn lớn, có hình dáng gần giống với các loại gạo dẻo Japonica mà người dân Âu Châu ưa thích. Người Pháp thực dân còn xuất cảng lúa từ Việt Nam, thường có chất lượng kém, sang Tây Ban Nha để xay chà và pha trộn với loại gạo tốt của nước này, sau đó họ đưa vào tiêu thụ ở nước Pháp. Tổng sản lượng lúa và gạo xuất khẩu của Nam Kỳ từ 1.860 đến 1.925 được báo cáo như sau (14):

- 1.860: 56.950 tấn
- 1.868: 128.894 –
- 1.870: 293.207 –
- 1.890: 540.998 –
- 1.900: 747.635 –
- 1.925: 1.370.900 -

Từ đầu thế kỷ XX đến 1.968 (khi cuộc Cách Mạng Xanh ở VN bắt đầu), các giống lúa truyền thống được trồng ở Gò Công: *Lúa sớm* gồm có lúa nhum, lúa tiêu, lúa nhỏ, nàng co đỏ, cà đung sớm, nếp than, nếp ngọt... *Lúa muộn* có lúa trắng nhứt, cao cô, nàng quớt, nàng út, đóc phụng lùn, cà đung kết, cà đung trắng, phụng lùn, nàng tiên, nếp rùn vàng... (16).

Sau 1.968, các giống lúa trên lần lượt bị thay thế bởi các giống cao năng như Thần Nông 5, 8, 20, 22, IR36... Gần đây những giống lúa có chất lượng cao để xuất khẩu: Nàng thơm, Jasmine 85, IR64, VND 95-20, OMCS 2000, OM 2517, OM 2717, OM 3536... (12).

3.2. Các Vị Anh Hùng Của Đất Gò Công

Dù là đất mới được khai khẩn của Việt Nam, Gò Công đã trở nên vùng trù phú, đông dân của đồng bằng sông Cửu Long vào thế kỷ XIX. Vã lại, địa thế có nhiều sông rạch thích hợp cho giao thông với các vùng lân cận và có nhiều giồng đất cao ráo, cây cối rậm rạp, tạo nên điều kiện thuận lợi cho thành lập các cứ địa kháng chiến. Gò Công đã đóng vai trò tiền phong trong phong trào chống thực dân Pháp cả nước. Các anh

hùng Võ Tánh và Trương Định đã lựa chọn đất Gò Công để làm hậu cứ kháng chiến và khởi nghiệp của mình.

Đức Hậu Quân Võ Tánh (1.768-1.801)

Ông Võ Tánh và người anh là Võ Nhân (Cai cơ của tướng Đỗ Thành Nhân, Tây Sơn) sinh trưởng ở làng Phước Tỉnh, Bà Rịa thuộc tỉnh Trấn Biên (Biên Hòa ngày nay) và mồ côi cha mẹ sớm. Truyện Gia Long Phục Quốc mô tả hình dáng Võ Tánh lúc đến yết kiến chúa Nguyễn Ánh như sau: “*trán cao, mày rậm, mũi thẳng, cằm tròn, diện mạo khô ngô, mình cao 7 thước (gần 2 m)*” (6).

Sau khi Võ Nhân và chủ tướng Đỗ Thành Nhân bị quân nhà Nguyễn giết chết, Ông Võ Tánh đem tàn quân về cố thủ ở Mười Tám Thôn Vườn Trầu thuộc Hóc Môn. Tây Sơn nghi ngờ Ông triệu tập quân lính ủng hộ chúa Nguyễn, nên họ đem quân bao vây Vườn Trầu. Võ Tánh yếu thế nên phải rút quân về Gò Công, nơi có địa thế hiểm trở để thành lập căn cứ quyết chống quân Tây Sơn. Ông chọn Gò tre, cách thị xã Gò Công độ 1,5 km, làm cứ địa và xây đắp thành lũy kiên cố. Quân Tây Sơn vây đánh nhiều lần nhưng đều thất bại, nổi tiếng hơn hết là trận Đầm Vạn Thắng (xã Bình Ân ngày nay). Ban đầu, Ông Võ Tánh chống Tây Sơn trong tư cách độc lập, về sau theo phò chúa Nguyễn, được Nguyễn Ánh phong làm “*Tiền Phong Dinh Khâm Sai Tổng Nhung Chương Cơ*” và được gả em gái là công chúa Ngọc Du.

Ông lập nhiều chiến công hiển hách, đánh đâu thắng đó, góp phần rất lớn giúp nhà Nguyễn chiếm được các tỉnh miền Nam và Gia Định (1.788). Sau đó, Nguyễn Ánh sai Lê Văn Cầu, Võ Tánh và Nguyễn Văn Thành đem quân đánh lấy Phan Rí và Bình Thuận. Quân Nguyễn tiến thẳng đánh lấy phủ Diên Khánh, Bình Khang và Phú Yên. Năm 1.793, Võ Tánh được thăng chức *Khâm Sai Quán Suất Hậu Quân Dinh Bình Tây Tham Thắng Tướng Quân Hộ Giá*. Sau đó được phong tước Quận Công kiêm lãnh chức Đại Tướng Quân (1.794) (9). Năm 1.797, Ông theo chúa Nguyễn Ánh ra đánh Quảng Nam, rồi vây thành Qui Nhơn và chiếm lấy được thành này vào năm 1.799. Chúa Nguyễn rút quân về Sài Gòn và giao thành Qui Nhơn cho Võ Tánh và Ngô Tùng Châu trấn giữ. Vì tỉnh Bình Định là quê hương đất tổ của nhà Tây Sơn, nên họ cố tấn công nhiều lần và quyết lấy lại thành đã mất. Võ Tánh cố thủ 3 năm, hết lương thực quân nhu; nên Ông đã tự thiêu trên lầu bát giác vào ngày 27 tháng 5 Tân Dậu (1.801) để bảo vệ dân quân trong thành khỏi bị sát hại và Ngô Tùng Châu cũng tự tử bằng thuốc độc. Hiện nay, có đền thờ Hoài Quốc Công Võ Tánh ở Giồng Tre.

Sau khi tiêu diệt Tây Sơn, nhà Nguyễn trị vì đất nước được hơn nửa thế kỷ (từ 1.802-1.884) phải đối đầu với cuộc xâm lăng thô bạo của thực dân Pháp. Những đại pháo của Pháp bắn dữ dội lần lượt hạ các đồn từ Vũng Tàu đến cửa Cần Giờ, sông Soai Rạp và quân Pháp tiến chiếm thành Gia Định ngày 19-2-1.859. Vào 12-4-1.861, Pháp đánh lấy Mỹ Tho và 20-4-1.861 chiếm Gò Công. Hòa Ước năm Nhâm Tuất (5-6-1.862) nhường 3 tỉnh Miền Đông (Gia Định, Biên Hòa và Định Tường) cho Pháp đã gây lòng phẫn nộ của người dân Miền Nam. Nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp được phát động, trong đó đất Gò khởi xướng tiên phong.

Đỗ Trình Thoại hay Huyện Thoại: Ông là người ở thôn An Long, huyện Tân Hòa (Thị xã Gò Công ngày nay), tỉnh Gia Định, đỗ cử nhân 1.843 và được bổ nhậm làm tri huyện Long Thành. Khoảng hai tháng sau Định Tường thất thủ, lúc 5 giờ sáng ngày 22-6-1.861, ông điều động 600 nghĩa quân tấn công đồn Gò Công; nhưng chẳng may đoàn quân bị phát giác. Nghĩa quân của ông được trang bị giáo mác, dao búa, tầm vông vạc nhọn vừa tiến vào chợ đã bị quân Pháp do trung úy hải quân Paulin Vial chặn đánh. Loạt đạn pháo binh đầu tiên và súng trường của Pháp đã giết 14 nghĩa quân, trong đó có Ông Huyện Thoại và Phó tướng của Ông trong trận này, viên sĩ quan Pháp Vial bị thương nặng. Sau đó, nhóm nghĩa quân còn sống sót kéo về đầu quân với Phó Quản Trưởng Định (16). Thật là thương tâm cho những anh hùng đầy lòng can đảm, xả thân vì nước trước súng đạn kẻ thù!

Bình Tây Đại Tướng Quân Trương Công Định (1.820-1.864): Tên thật là Trương Định, nhưng được người dân quý mến gọi Ông là Trương Công Định. Ông còn được gọi là Phó Quản Định (do chiêu mộ dân khai hoang lập ấp được phong hàm), sinh ở thôn Trường Định, xã Tư Cung, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Gò Công là quê hương thứ hai của Ông. Theo ông Paulin Vial, người từng thấy ông Trương Định nhiều lần mô tả Ông như sau: *“Trương Định có vóc dáng người cao, mảnh mai, gương mặt đầy đặn, nước da trắng có vẻ phong lưu công tử, nhưng tính tình rất cương nghị, điềm tĩnh, can đảm mà hào phóng, quyết đoán mà đa mưu. Là người am hiểu binh thư, tinh thông võ nghệ và bắn súng rất tài, lại là người có lòng yêu nước nồng nàn và tình cảm sâu sắc với nhân dân”*. Do đó, Ông được nhiều người ngưỡng mộ và thu phục được tầng lớp nho sĩ và thân hào, trong đó có Cụ Nguyễn Đình Chiểu, thân sĩ Hồ Huân Nghiệp, các cử nhân Bùi Tấn, Cù Khắc Kiệm, Lý Duy Phiên, Hà Mậu Đức..., các quan lại như Tuần phủ Đỗ Quang, Tri Huyện Đặng Văn Duy...(11).

Phong trào kháng Pháp ngày càng lớn mạnh và Ông Trương Định tham gia vào phong trào này trước và sau khi triều đình Huế nhường 3 tỉnh Miền Đông cho Pháp. Sau khi đồn Chí Hòa thất thủ, Ông đem quân về đồn trú ở Gò Công. Quân Pháp do Đô Đốc Charner tiến chiếm Định Tường, nhưng Ông ta vẫn còn nể nang triều đình Huế (quê mẹ của vua Tự Đức) để Gò Công ra ngoài chưa tổ chức cai trị, mà chỉ đóng đồn binh. Nhân cơ hội này, Phó Quản Trưởng Định chiêu binh đãi sĩ, tổ chức các chiến khu, tích lũy lương thực để chuẩn bị khởi nghĩa kháng Pháp. Ông chọn lấy Gò Công làm Tổng hành dinh, vì

- (i) đồng bằng có nhiều sông ngòi dễ di chuyển quân, liên lạc và phối hợp chiến đấu với các vùng khác như Mỹ Tho, Sài Gòn, Biên Hòa, Tân An;
- (ii) vùng có đất đai phì nhiêu, vừa lúa của Miền Nam, làm vùng hậu cần tốt cho cuộc kháng chiến lâu dài;
- (iii) dân cư đông đảo hơn miền dưới do khai khẩn sớm, đồng thời với phát triển ở Mỹ Tho, Bà Rịa, Biên Hòa, giúp chiêu mộ quân lính dễ dàng, và

(iv) vùng mà ông Trương Định sống lâu năm, am hiểu tình hình và địa thế. Ông Trương Định cho luyện tập binh sĩ, đắp đồn xây lũy cho 3 căn cứ quan trọng ở Tân Hòa, Sơn Qui và Kiểng Phước- Gia Thuận (nơi Ông khai khẩn đất mới).

Mặt trận kháng chiến chống Pháp của Trương Định không chỉ giới hạn ở địa phận Gò Công mà gồm cả 3 tỉnh Miền Đông bị Pháp chiếm: Biên Hòa, Gia Định và Định Tường. Mặt trận của Ông còn liên kết chặt chẽ với các cuộc kháng chiến khác trong vùng lúc bấy giờ như Thủ Khoa Huân (Mỹ Tho), Nguyễn Trung Trực (Tân An), Bùi Huy Diệu (Cần Giuộc), với các trận đánh chủ yếu (3, 6 và 11):

- Cuộc tấn công đồn Cần Giuộc ngày 16-12-1.861, dù thất bại, đã gây tiếng vang khắp nước. Cụ Đồ Chiểu thương cảm đã làm bài Văn Tế nổi tiếng truy điệu các chiến sĩ anh dũng bỏ mình vì dân tộc.
- Trận tổng công kích bất ngờ, đồng loạt các đồn bót của Pháp ở Sài Gòn và Biên Hòa vào ngày 16-12-1.862, với trận đánh lớn đầu tiên là trận đánh chiếm đồn Rạch Tra (cách Sài Gòn 15 km trên tuyến đường Sài Gòn – Tây Ninh).
- Tập kích chiến thuyền tại Bến Lức và vây đồn Phước Hòa (17-12-1.862).
- Tấn công đồn Thuộc Nhiêu (cách Mỹ Tho 20 Km về phía tây, 17-12-1.862).
- Bao vây đồn Long Thành (Bà Rịa, đêm 17 rạng 18-12-1.862).
- Tập kích pháo thuyền Alarme trên địa bàn Gò Công (đêm 17 rạng 18-12-1.862).
- Tấn công đồn Rạch Kiến (18-12-1.862).
- Mặt trận Sơn Qui đẩy lùi các cuộc tấn công của Pháp do Đô Đốc Bonard dẫn đầu.
- Trận Gò Đen (8-1-1.863) ngăn cản một trong 3 mũi tấn công của Pháp vào các tiền đồn (Gò Đen, Đồng Sơn và Vĩnh Lợi) để chiếm lấy vùng Gò Công.

Nên nhớ rằng vào thời kỳ này, quân lính của Ông Trương Định đa số chỉ được trang bị vũ khí thô sơ với giáo mác, cung tên, gậy gộc, một số ít súng trường lấy được của Pháp và ít cổ đại pháo mà thôi, trong khi lực lượng thực dân mạnh gấp mấy lần, được trang bị đầy đủ súng trường và nhiều đại pháo với hỏa lực mạnh gấp bội.

Ngày 28-2-1.863, Pháp tập trung lực lượng đánh chiếm căn cứ Tân Hòa, nghĩa quân phải rút về Phước Lộc-Lý Nhơn. Ngày 25-9-1.863, căn cứ này bị thất thủ, nên Ông Trương Định phải đưa 1.800 quân còn lại về vùng Kiểng Phước-Bình Xuân để củng cố lực lượng và lợi dụng hiểm thế của “đám lá tới trời” ở Gia Thuận để dưỡng quân tiếp tục kháng chiến. Nhưng lực lượng của Pháp ngày càng gia tăng bao vây vùng kháng chiến của Trương Định, Lãnh Binh Huỳnh Công Tấn, cựu Phó Sứ của Ông là người phản bội theo giặc, đã bất ngờ vây chặt ngôi nhà Trương Định và 25 nghĩa quân trú ngụ. Ông và nghĩa quân phản ứng rất quyết liệt, nhưng cuối cùng bị trọng thương do vết đạn ở lưng. Vì không muốn bị bắt sống, Ông dùng gươm đâm vào bụng tuấn tiết ngày 20-8-1.884. Nơi Ông Trương Định bị thương và tuấn tiết ở khoảng đất trống hiện nay thuộc ấp 3, xã Tân Phước, Gò Công Đông, còn gọi là “*khuông Đất Vinh*” về sau dân đào ao lấy nước gọi là “*Ao Vinh*” (3). Ông mất vào lúc 44 tuổi. Lăng mộ của Ông ở thị xã Gò Công và đền thờ được dân chúng thành lập ở xã Gia Thuận.

Trước Hòa Ước Nhâm Tuất, Ông Trương Định được vua Tự Đức phong “*Bình Tây Tướng Quân, Tổng Chỉ Huy quân đội ba tỉnh*”, nhưng sau hòa ước ký kết, với sức ép của Pháp, Triều đình đã thu hồi sắc phong trên mặt nổi, nhưng theo tài liệu của Pháp, họ vẫn còn ủng hộ ngầm lực lượng kháng chiến của ông Trương Định (3). Cuộc kháng chiến chống Pháp của Ông Trương Định đã nói lên lòng yêu nước sâu sắc của Ông và của người dân Gò Công, lòng căm phẫn của dân tộc bị mất đất, và cuộc khởi nghĩa này đã mở đầu cho cuộc kháng chiến chống Pháp khắp Miền Nam sau này.

3.3. Địa linh nhen kiệt

Nhiều nhân vật quan trọng của đất Gò Công làm việc dưới Triều Nguyễn được nổi tiếng cả nước, nhưng họ bị quên lãng sau biến cố tháng 4-1.975. Dù bị chỉ trích về một số vấn đề, triều đại nhà Nguyễn đã thực sự có nhiều công khai phá đất mới, bành trướng lãnh thổ từ miền nam Trung Phần cho đến đồng bằng sông Cửu Long. Do đó, người dân Miền Nam luôn biết ơn công lao to lớn của các chúa Nguyễn. Họ rất kính trọng và sùng bái các vị tướng tài trong thời kỳ này, qua xây dựng các lăng mộ, đền miếu để tôn thờ cho đến ngày nay. Hy vọng danh tiếng và công trạng của các nhân tài và anh hùng dưới triều này được phục hồi *hoàn toàn* cho đúng vị thế chính đáng của họ, bởi vì chính trị chỉ có tính cách giai đoạn trong khi lãnh thổ đất nước mãi trường tồn.

Năm 1.788, trong khi chúa Nguyễn Ánh tiếp kiến lần đầu tiên Ông Võ Tánh, vị anh hùng của đất Gò Công ở Vĩnh Long, Ngài đã thốt nên lời: “*Thật quả là địa linh nhen kiệt!*” (16). Quả vậy, từ đầu thế kỷ XIX, đất Gò Công sinh ra nhiều nhân vật nổi tiếng khắp nước: Ngoài Bình Tây Đại Tướng Quân Trương Công Định, còn có Chưởng Cơ Mai Tấn Huệ, Quốc Công Phạm Đăng Hưng, Đức Từ Dũ Hoàng Thái Hậu, Nam Phương Hoàng Hậu, Giám Mục Nguyễn Bá Tòng, Hồ Biểu Chánh, nữ sĩ Mạnh Mạnh...

Chưởng Cơ Mai Tấn Huệ: Quê quán của Ông ở làng Bình Luông Tây, Gò Công Đông. Sau khi Võ Tánh thất bại ở Mười Tám Thôn Vườn Trầu và rút về Giồng Tre, Gò Công để củng cố lực lượng, Ông Mai Tấn Huệ gia nhập và trở thành một tướng giỏi của Võ Tánh. Sau khi Võ Tánh tuấn tiết ở Qui Nhơn, sự nghiệp võ tướng của Ông càng lớn mạnh hơn, giúp chúa Nguyễn Ánh bình định Tây sơn, xây dựng cơ đồ nhà Nguyễn. Ông giúp Nguyễn Ánh lấy lại thành Qui Nhơn, có công dẹp giặc cướp ở Cây Na, giặc Tàu Ô ở cửa biển Kim Bồng và giặc Mán ở Quảng Ngãi. Ông được ủy thác coi sóc xây đắp hoàng thành Phú Xuân. Sau khi lên ngôi, vua Gia Long giao Ông trấn giữ thành Bình Định. Năm 1.805, Ông được thăng chức Chưởng Cơ. Khi già, Ông trở về sống tại ấp Bình Hòa thuộc làng Bình Luông Tây, mở trường dạy võ và cùng dân chúng đắp một đập nước ngang ngọn sông Rạch Già, còn lưu truyền đến nay gọi là “*Đập Ông Chưởng*” (16).

Quốc Công Phạm Đăng Hưng (1.764 -1.825): Ông là thân sinh của bà Từ Dũ, sinh ngày 24-9-1.764 ở Tân Niên Đông, Gò Công Đông. Ông thi đỗ cống sĩ tương đương với Tú tài trong kỳ thi hương ở Gia Định, được bổ làm Lễ Sinh ở Tòa tu soạn coi việc văn thơ, dưới quyền của cụ Trịnh Hoài Đức. Về sau Ông được thăng làm Lại Bộ Tham Tri, lập nhiều công lao, mưu lược cho chúa Nguyễn Ánh. Năm 1805, Ông được phong chức Chương Trưởng Đà Sự và bắt đầu gây uy thế trong triều đình. Năm 1.813, Ông giữ chức Hiệp hậu Đại Học Sĩ, đặc trách Lễ Bộ Thượng Thư lo việc triều chánh. Sau khi vua Minh Mạng lên ngôi, cuộc đời quan trường của Ông bị giao động do nịnh thần ám hại, nhưng Ông cũng vượt qua và hy sinh cả cuộc đời phụng sự đất nước. Sau khi Ông bị bệnh mất năm 1.825, linh cữu được đưa về an táng ở Giồng Sơn Qui, và được truy tặng tước Hàm Vinh Lộc Đại Phu, Tru Quốc Hiệp Biện Đại Học Sĩ, thụy là Trung Nhã. Đến đời vua Tự Đức, Ông được phong Càn Chánh Điện Đại Học Sĩ, tước Đức Quốc Công được thờ ở miếu Trung Hưng Công Thần và liệt tự vào đền Hiền Lương (2, 16).

Đức Từ Dũ Hoàng Thái Hậu (1.810 - 1.901): Bà Từ Dũ tên là Phạm Thị Hằng, sinh ngày 19-5-1.810 tại Giồng Sơn Qui, Gò Công Đông. Bà là trưởng nữ của Thượng thư Bộ Lễ Phạm Đăng Hưng và Bà Phạm Thị Vị, vợ của vua Thiệu Trị và Mẹ của vua Tự Đức. Bà là một phụ nữ thông minh, hiền từ, đức hạnh vẹn toàn, một bậc mẫu nghi thiên hạ được dân chúng và người nước ngoài đương thời kính trọng. Bà mất tại Huế ngày 5-4 năm Tân Sửu (1.901).

Hoàng Hậu Nguyễn Hữu Thị Lan (1.914 - 1.968): Bà có tên Pháp là Marie Thérèse, sinh năm 1914 tại Gò Công, con của đại điền chủ Nguyễn Hữu Hào và bà Lê Thị Bình ở xã Đồng Sơn, quận Hòa Đồng, và là cháu ngoại của ông Lê Phát Đạt, tức Huyện Sỹ, người giàu có nổi tiếng ở miền Nam. Bà là một phụ nữ đẹp, thông minh, kín đáo, trầm tĩnh, thích âm nhạc và thể thao. Năm 1.926, Bà được xuất ngoại học ở trường Couvent des Oiseaux ở Paris. Bà đỗ Tú Tài và về nước vào năm 1932 trên cùng chuyến tàu của vua Bảo Đại khi hồi hương. Một năm sau, trong một dạ tiệc do Toàn Quyền Đông Dương tổ chức ở Đà Lạt, Nguyễn Hữu Thị Lan được vua Bảo Đại tiếp kiến và si mê. Dám cưới của Bà và vua Bảo Đại được cử hành vào ngày 20-3-1.934 ở Huế. Bà được tấn phong làm Hoàng Hậu ngay và đây là một biệt lệ đối với những người làm vợ Vua của triều Nguyễn. Thường các bà vợ của vua trước, kể từ vua Minh Mạng về sau, chỉ được phong làm Hoàng Hậu sau khi vua băng hà. Bà được vua Bảo Đại đặt danh hiệu là Nam Phương (do phối hợp vẻ đẹp của người Nam và Tây Phương). Ngoài việc tham gia các lễ lộc, ngoại giao với chồng, Bà Nam Phương Hoàng Hậu còn tham dự các công tác xã hội, khuyến khích dạy môn nữ công gia chánh trong học đường, làm gạch nối thân thiện giữa triều đình Huế và đạo Thiên Chúa vốn thường có hiềm khích với nhau. Bà mất vào ngày 14-9-1.963 sau một cơn đau tim đột ngột tại làng Chabrignac, miền Bắc nước Pháp (2 và 17).

Những nhân vật nổi tiếng khác của Gò Công gồm có Giám Mục J. Bautista Nguyễn Bá Tông (1.868-1.949), Hội Đồng Nguyễn Minh Chiêu (1.889-), Luật Sư Vương Quang Như (1.902-) (Phò mã của vua Thành Thái, 1.902-1.954)...

3.4 Giao lưu văn hóa rất sớm (16)

Gò Công tuy là vùng nhỏ, nhưng đất đai màu mỡ, sớm được người dân khai khẩn; nên đã đóng góp không nhỏ cho nền văn hóa của đất nước. Vào đầu thế kỷ XIX đã có gia đình họ Phạm với nhiều văn tài lỗi lạc, nổi tiếng khắp xứ, như **Ông Phạm Đăng Hưng** giữ chức Lễ Bộ Thượng Thư lo giáo dục quốc gia và nghi lễ triều đình. **Bà Từ Dũ** là một mệnh phụ được cả nước kính nể một thời cũng biết bình thơ, giảng sách, giáo huấn con trở thành Vua Tự Đức có trình độ văn hóa cao.

Nhà văn Hồ Biểu Chánh (1.885-1.958), tên thật là Hồ Văn Trung, sinh ngày 1-10-1.885 tại làng Bình Thạnh, Gò Công. Ông học chữ Nho, quốc ngữ và Pháp ngữ, đỗ bằng Thành Chung năm 1.905. Ông làm chức Thông phán ở nhiều tỉnh miền Nam và thăng chức Đốc Phủ năm 1.935. Ông đã sáng tác hơn 100 quyển tiểu thuyết với ngôn ngữ giản dị, bình dân, mô tả đời sống và thói đời ở nông thôn rất được người dân miền Nam ưa chuộng. Những cuốn tiểu thuyết rất được hoan nghênh như Ngọn Cỏ Gió Đùa, Cha Con Nghĩa Nặng, Cay Đắng Mùi Đời, Nặng Gánh Can Thường, Tỉnh Mộng, Khóc Thầm... (2). Ông in tập thơ đầu tiên “*U tình lục*” vào 1.910. Ông có công sáng lập 3 tờ báo: Đại Việt tạp chí, Tribune indigène và Quốc Dân diễn đàn trong 1.910-1.920 và tờ Nam Kỳ tuần báo sau này (16).

Cụ Lê Lương Tri (1.893-1.963) có tài xuất khẩu thành thơ nên được nhiều văn nhân, thi bá khắp nơi thăm viếng, tạo nên giao lưu văn hóa sống động trong vùng đất Khổng Tước Nguyên.

Nữ sĩ Mộng Hoa tên là Trần Kim Xuyên cùng thời với Sương Nguyệt Ánh ở Bến Tre, cũng tài hoa và góp tiếng trên trường văn bút ở Miền Nam bấy giờ.

Nữ sĩ Mạnh Mạnh (1.914-) tên thật là Nguyễn Thị Kim (Kiêm?) con Ông Hội Đồng Nguyễn Đình Trị, chuyên viết về phóng sự và phỏng vấn cho tờ báo Phụ Nữ Tân Văn. Bà nổi tiếng khắp nước, là hiện tượng lạ trong thập niên 1930 vì có can đảm cổ võ cho phong trào thơ mới qua các diễn đàn từ Nam đến Bắc; đã tạo cuộc bút chiến vang lừng ở đất Sài Gòn dạo ấy. Ủng hộ mạnh mẽ cho thơ mới có Thế Lữ ở miền Bắc và Mạnh Mạnh trong miền Nam (2). Bà là một người tiên phong trong thơ mới, đã làm gay mắt nhiều bậc thâm nho trưởng thượng không ít. Một bài thơ của Ông Diệp Văn Kỳ trên báo Công Luận mắng khéo Mạnh Mạnh được lưu truyền đến nay (16):

“*Con chim Mạnh Mạnh*
Đậu nhành cây chanh,
Tá vác mảnh sành,
Ta liệng nó chết dấy,
Ta làm bầy mâm,
Ta dọn ông ăn,
Ông hỏi con chim gì,

*Ta đáp chim Manh Manh
Đậu nành cây chanh...”*

Ngoài ra, bà **Phạm Thị Bạch Vân**, người làng thành phố Gò Công, với hoài bão đóng góp nền văn hóa tỉnh nhà, đã sáng lập nhà in và xuất bản Nữ Lưu Thư Quán trong 1921-1930. Thư quán này đã quy tụ được nhiều nhà văn nổi tiếng trong nước để dịch thuật các tác phẩm văn học nổi tiếng của Trung Hoa, Ấn Độ, Việt Nam và Pháp Quốc, như Nữ Tài Tử, Tây Sương Ký, Hồng Lâu Mộng (Trung Quốc), Tiểu sử nhà cách mạng Gandhi (Ấn Độ), Truyền kỳ mạn lục, Kiêm Vân Kiều, Chinh phụ ngâm, Vân Tiên truyện (Việt Nam) và nhiều tác phẩm của Victo Hugo (Nhà thờ Đức Bà Paris, Những người khốn khổ), René Balzac (một số quyển trong truyện Tấn trò đời), Anatole France (Những khát vọng của Jean Servier, Lò quay của Hoàng Hậu Pédauque, Sự nổi loạn của những vị thần), Alexandre Dumas (Ba chàng ngự lâm pháo thủ, Hầu tước Monte Cristo...) (2 và 16).

Văn Đàn Gò Công được thành lập trước năm 1.940, gồm các Ông Trần Văn Quán, Nguyễn Duy Dương, Dương Văn Lữ, Nguyễn Huỳnh Mai, Nguyễn Văn Thắng, Lê Bằng Ý, Thái Hòa, Quách Văn Nghĩa, Phạm Đăng Thà, Trần Văn Năng, Nguyễn Khắc Minh, Minh Hưng, Kim Sơn, Bà Giáo Huyện, nhằm trao đổi thi thơ văn học trong tỉnh.

Khổng Tử Tế Tự Hội do Đốc Phủ Lê Quang Liêm sáng lập để phụng thờ Đức Khổng Tử nhằm gìn giữ giềng mối đạo đức trật tự trong gia đình, xã hội và tổ quốc, trong lúc thế hệ trẻ đang hăm hở đua đòi với phong trào văn hóa đòi truy Tây Âu.

3.5 Đặc sản của Gò Công

Vùng đất Gò Công là một đồng bằng, có nhiều giồng đất cát, được cấu tạo bởi phù sa cổ và mới của sông Đồng Nai và Cửu Long và bị ảnh hưởng biển mặn, gió nồm. Do đó, vùng đất này có tiềm năng về nông nghiệp rất lớn và có một số đặc sản nổi tiếng, như *mắm tôm, mắm còng lột, sớ ri, dưa hấu, măng cầu...* Nhiều vùng khác muốn sản xuất để kiếm nguồn lợi tức, nhưng chất lượng không thành công vì điều kiện khí hậu, đất đai của môi trường không thể giống như vùng đất Gò Công. Cũng giống như lúa Nàng Thơm Chợ Đào, tỉnh Long An, nếu đem đi trồng ở tỉnh Tiền Giang sẽ không còn hương vị của gạo thơm Chợ Đào.

Mắm tôm chà: Một loại mắm nhuyễn màu đỏ, đặc biệt có mùi thơm và vị mặn đậm đà mà những vùng khác không thể làm được, có lẽ nhờ vào loại tôm của miền nước mặn đồng chua và gió biển nắng chói chang. Sau đây là phương pháp làm mắm tôm chà của xã Tân Phước, Gò Công Đông. Mắm tôm chà được làm bằng tôm đất hay tôm xanh lớn có gạch đỏ. Tôm được cắt râu cắt đuôi, rửa sạch và để ráo nước. Thành phần để làm mắm tôm chà gồm mỗi 1 chén tôm thêm 1 muỗng canh muối bột và gia vị tỏi ớt tùy theo ý muốn. Hỗn hợp 3 loại trên được bỏ vào cối nhỏ quết nhuyễn. Xong đem tất cả tôm nhuyễn phơi nắng tốt trong 3 ngày, sau đó chà bột tôm trong một rổ lỗ

nhỏ hoặc cái rây có lưới sắt để lấy thịt tôm rồi phơi nắng cho keo lại. Ngày nay, bột tôm sau khi quét, bỏ vào máy sinh tố để xay nhuyễn hơn, rồi bỏ vào vải mùng vắt ráo. Thịt tôm được bỏ vào hủ và phơi vài nắng cho lên màu đỏ thơm. Đó là mắm tôm chà. Nếu muốn làm **mắm ruốc**, băm nhuyễn xác tôm trộn chung với thịt tôm, thêm ít đường và đem phơi nắng cho kẹo lại. Rất tiếc rằng loại mắm nổi tiếng này chưa được sản xuất công nghiệp để xuất khẩu. Ở Mỹ, một số siêu thị Việt Nam có mắm tôm chà Quảng Trị.

Vào giữa thế kỷ XIX, Bà Từ Dũ thường thết đãi vua và các quần thần triều đình Huế với món mắm tôm chà và mắm tôm chua do thân nhân từ Gò Công đem theo khi đi thăm viếng. Vua và các quan trong Triều tỏ ra rất thích thú và muốn được thết đãi nhiều lần. Trong cuộc thi đấu xảo hàng trăm đặc sản của cả nước, mắm tôm chà Gò Công được chọn hạng tư, và từ đó nổi tiếng cả nước (18).

Mắm tôm chua: mắm tôm chua nguyên con còn được trộn với miếng đu đủ xắt nhỏ, trộn với riềng để cùng ăn với rau sống và thịt ba rọi, ngon tuyệt vời. Mắm tôm chua Gò Công cũng nổi tiếng xưa nay trên đất nhà. Tôm đất nhỏ được cắt đầu để đuôi, rửa sạch và để ráo, sau đó ngâm với ½ ly “xây chừng” rượu trắng từ 30 phút đến 1 giờ. Thành phần hỗn hợp để làm loại mắm này gồm có 3 chén tôm, 1 chén nước mắm pha 3 muỗng đường nấu nóng để nguội và tỏi ớt băm nhuyễn. Bỏ tất cả vào một hủ, gài chặt và đem phơi nắng trong 1 tuần lễ.

Mắm còng lột: Còng thường sống ở vùng rẫy có thủy triều nước mặn lên xuống mỗi ngày. Vào tháng 5, người dân bắt còng lột trong nước lợ, đem về ngâm trong một dung dịch, gồm nước mắm, muối, đường, rượu, tỏi, rồi gày còng lột vào hủ. Lấy lá vong hay lá chùm ruột che lên mặt. Độ một hai tuần lễ sau, còng lột thành mắm có thể ăn được với bún, thịt phay và rau sống (2).

Sơ ri: Cây sơ ri (serise) có tên khoa học là *Malpighia glabra* L. thuộc họ Malpighiaceae, nguồn gốc từ vùng Trung Mỹ. Cây thấp, đa niên, gỗ nhỏ có rất nhiều cành dài rũ xuống và có màu xám đậm. Trái nhỏ có nhiều hạt. Có hai loại trái sơ ri chua để xuất khẩu và sơ ri ngọt chỉ ăn tươi, nhưng nông dân thường trồng lẫn lộn nên giá thấp. Cây sơ ri có thể thu hoạch 7,8 lần mỗi năm. Trái sơ ri có chứa nhiều vitamin C hơn cả chanh, cam và bưởi. Trái sơ ri được dùng dưới dạng trái tươi hoặc chín và chế biến sirop, rượu hoặc cocktail trái cây (18). Cây sơ ri được trồng nhiều ở Bình Ân, Bình Nghị, Tân Đông, Kiểng Phước và Tân Điền (1). Loại cây này cần được nghiên cứu nhiều hơn về mặt lai tạo để có giống cải tiến với năng suất cao và chất lượng phù hợp cho các giới tiêu thụ trong và ngoài nước.

Dưa hấu: Dưa hấu Gò Công vỏ xanh đậm, trái thon nhỏ, ruột đỏ thắm, với vị ngọt lịm mà trái dưa hấu của các miền khác không thể có được, do ảnh hưởng từ thổ ngơi và khí hậu biển Đông. Cho nên, giống dưa hấu Gò Công được sản xuất từ các vùng khác và bày bán trên thị trường, nhưng chất lượng không đạt được vị ngon ngọt của dưa hấu trồng trên đất Gò. Dưa hấu được trồng trên đất ruộng ở xã Bình Nghị, Phước Trung, Tăng Hòa, Tân Đông, Kiểng Phước; và Tân Thành, Phú Tân trên đất gò cao, giồng cát, với 2-3 vụ mỗi năm, nhưng thường luân canh với lúa để giảm áp lực sâu

bệnh (1). Nếu Gò Công thực hiện được công tác cải thiện giống để sản xuất được ***đưa hấu đỏ không hạt***, trái dưa sẽ có giá trị nhiều hơn.

Mãng Cầu: Mãng cầu được sản xuất ở nhiều nơi, nhưng vùng biển Tân Thành và Pháo Đài có trái lớn, từng mảng vỏ dễ gở và có vị ngọt ngon đậm đà. Diện tích trồng mãng cầu đang bị thu hẹp dần do bành trướng kỹ nghệ nuôi tôm sú. Giới tiêu thụ mong rằng trái mãng cầu sẽ to lớn hơn, có ít hạt với hạt nhỏ hơn (hoặc không hạt) và múi thịt dày hơn. Đây là một đề tài nghiên cứu cho các chuyên gia cây ăn quả trong nước.

4. Phát Triển và Tiềm Năng Của Vùng Đất Gò Công

- **Tình trạng phát triển kinh tế hiện nay**

Đối với ĐBSCL, vùng đất Gò Công có quá trình phát triển tương đối sớm, là vùng đất nông nghiệp (độ 75-80%) chuyên về trồng trọt, đánh cá và nuôi gia súc có tính chất gia đình. Họ còn phát triển thêm ngành tiểu công nghệ như nghề mộc, nổi tiếng làm tủ thờ... Có nhiều nghề mà trước kia rất nổi tiếng ở đất Gò như nghề đóng ghe, nghề thêu dếp cườm nay đã chấm dứt (16).

Từ lâu, do điều kiện địa lý, Gò Công có *nền kinh tế phát triển không đồng đều*. Thủy thổ từ tây qua đông của vùng có đặc tính khác nhau nên đã hình thành hai vùng mà tên đặt hiện nay nói lên phần nào sự khác biệt đó. **Gò Công Đông** có vị trí kề cận biển Đông, giới hạn phía bắc và nam bởi sông Soai Rạp và Cửa Tiểu, Cửa Đại; nên có nhiều đất phèn và mặn gây trở ngại cho sự trồng trọt và phát triển kinh tế của vùng này, ngoại trừ nghề đánh cá ven biển. Trước khi có chương trình ngọt hóa, phần lớn vùng Gò Công Đông chỉ trồng lúa mỗi năm vào mùa mưa, đến mùa nắng cánh đồng lên phèn vàng và nước mặn lên, nông dân thất nghiệp phải đi nơi khác làm ăn. Trong khi đó, **Gò Công Tây**, phần lớn có nguồn nước ngọt từ sông Tiền Giang, đất đai phì nhiêu hơn; nên có nhiều khu vườn cây trái sung túc và trồng rau cải xanh tươi quanh năm. Miền này ngoài trồng lúa còn có độ 3.000 ha dưa và 2.420 ha cây ăn trái, nhưng không bị lũ lụt hàng năm. Hơn nữa, còn nuôi đánh bắt thủy sản và làm tiểu công nghệ: thực phẩm chế biến, dầu dừa thô, gỗ chế biến, than gáo dừa, hàng xơ dừa (1). Nhờ đó, đời sống của dân Gò Công Tây được phồn thịnh hơn.

Gần đây, ***chương trình ngọt hóa trái dài 54.000 ha đã được hoàn tất*** ở Gò Công, giúp cho vùng này có đời sống khởi sắc hơn, môi trường xanh tươi hơn so với cánh đồng phèn vàng đất mặn, nắng cháy da trước kia. Họ có thể kiếm được lợi tức nhiều hơn với rau hoa, và không phải lo lắng nhiều về nguồn nước uống trong mùa nắng. Gò Công Đông bắt đầu thâm canh, trồng 3 vụ lúa mỗi năm trên độ 11.000 ha (tốt hơn cần chuyển đổi 2 vụ lúa và một màu khác để tránh sâu bệnh), 2 vụ/năm trên 3.000 ha và 1 vụ/năm trên 1.000 ha (1). Tuy nhiên, chương trình này đang bị đe dọa xuống cấp do bồi lắng của các tuyến kinh dẫn nước, nếu không có biện pháp bảo quản hữu hiệu kịp thời.

Ngoài ra, nuôi trồng thủy sản (đa số tôm sú, 1-2 vụ/năm) tập trung ở xã Phú Tân, Phú Đông, Kiểng Phước và một ít ở Tăng Hòa, Phước Trung, Bình Đông, Bình Xuân, Tân Trung, Tân Phước và Gia Thuận, năng suất không cao và bị đe dọa bởi bệnh

dịch truyền nhiễm. Vùng ven biển Gò Công có độ 7.500 ha nuôi thủy sản nước mặn, nước lợ và nhiều loài có giá trị kinh tế như: nghêu, sò huyết, tôm sú; vùng nước ngọt có tôm càng xanh, nuôi cá ao, cá trên ruộng lúa và nuôi cá bè dọc sông Tiền. Các loài cá tạp nhỏ dùng biến chế nước mắm, bột cá, làm thức ăn cho gia súc, thủy sản... (19).

Hơn 300 năm qua, Gò Công **chỉ phát triển về mặt nông nghiệp và một số ngành nghề tiểu công nghiệp gia đình**, không có một công nghiệp lớn nào đang hoạt động trong vùng. Ngành nông nghiệp không thể tạo thêm phúc lợi cho người dân trong thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới, khi dân số mãi tiếp tục gia tăng và diện tích trồng trọt giảm sút. Hiệu năng và lợi nhuận kinh tế của ngành nông nghiệp luôn thấp kém so với công nghiệp, dịch vụ và du lịch. Đây là một yếu kém cơ bản của vùng.

Yếu kém cơ bản thứ hai là Gò Công đã **chưa khai thác triệt để nội lực và tiềm năng kinh tế của vùng**. Đất Gò có bờ biển khá dài từ Vàm Soai Rạp đến Cửa Đại độ 32 km qua 8 xã và hai cù lao, nhưng khai thác đánh cá biển xa khơi chưa đúng tầm mức, không có hải cảng tầm cỡ quốc gia. Gần đây mới phát triển kỹ nghệ nuôi tôm, thủy sản dọc bờ biển, nhưng công nghệ biến chế thủy hải sản còn yếu. Các loại **đặc sản như mắm tôm chà, mắm còng lột, dưa hấu, măng cầu chưa được khai thác triệt để cho xuất khẩu**.

Chẳng hạn, hiện nay Gò Công sản xuất nhiều trái sơ ri ở Bình Ân, Bình Nghi, Tân Đông, Kiểng Phước, Tân Điền, nhưng một phần được Bến Tre thu mua để chế biến thành rượu, sirop và chế phẩm khác. Từ năm 2004 đến tháng 3-2006, diện tích trồng sơ ri giảm từ 750 ha xuống 280 ha. Một số nhà vườn thay thế cây sơ ri bằng trồng lúa và cây ăn quả khác, có giá trị kinh tế cao hơn (1). Thời kỳ vàng son của cây sơ ri vào thập niên 1980-1990 không còn nữa! Một điều nghịch lý là nông dân trồng sơ ri không có nơi tiêu thụ, trong khi nhà máy biến chế sơ ri xuất khẩu ở thị xã Gò Công của công ty Thịnh Phát cho biết không đủ nguyên liệu hoạt động! Đó là **do thiếu qui hoạch hữu hiệu từ sản xuất đến tiêu thụ cho một loại trái cây được xem là “đặc sản” của tỉnh Tiền Giang**.

Yếu kém cơ bản thứ ba là **hạ tầng cơ sở chưa phát triển đúng tầm mức**. Gò Công chỉ cách xa Sài Gòn 58 km đường bộ, 45 km đường chim bay, nhưng bị cô lập bởi các sông Vàm Cỏ, Soai Rạp, sông Cửa Tiểu, Cửa Đại và biển Đông, và xa với quốc lộ 1; nên rất ít du khách thăm viếng. Hơn nữa, quốc lộ 50 còn chật hẹp, quá tải cho xe gắn máy, xe hơi; lại thêm phà Mỹ Lợi, nên phải mất gần 2 giờ để đi từ Sài Gòn đến thị xã Gò Công; do đó các tập đoàn kinh doanh khó đến để đầu tư khai thác tiềm năng của vùng. Nhiều xe khách và các xe vận tải đi Sài Gòn, thường xuyên qua ngã Mỹ Tho, dù đường dài đến 105 km, gần gấp đôi đường 50! Ngoài ra, **giao thông đường thủy** từ Sài Gòn đến Gò Công rất tiện lợi, đi qua kinh Nước Mặn và Soai Rạp; nhưng đến nay vẫn chưa được khuyến khích khai thác và chưa có bến đò thực thụ.

- **Khai Thác Tiềm Năng Của Đất Gò Công Để Phát Triển**

Có thể nói nền kinh tế của Gò Công không được phát triển mạnh trong 2 thập niên vừa qua, ngoại trừ vài tiến bộ ở ngành thủy sản; mặc dù vùng đất này, nhứt là Gò Công Đông tiếp cận với Sài Gòn, Long An, Vũng Tàu - Bà Rịa. Điều này được thể hiện qua đời sống của đa số người dân trong vùng, không có cơ sở công nghiệp lớn mới nào đáng kể. Thị xã Gò Công được chỉnh trang lại trông có vẻ rộng rãi và khang trang hơn trước. Vùng Gò Công không có mỏ kim khí, nhưng có được *địa thế ưu đãi*: tiếp giáp biển Đông, có nhiều sông rạch, đất mặn, đất ngọt, rừng và một số di tích lịch sử nổi tiếng trong nước. Để phát triển vùng này, trước tiên cần phải có chính sách và qui hoạch thích đáng của nhà nước, quyết tâm chính trị nhằm nâng cao đời sống thịnh vượng của người dân và phát huy tối đa tiềm năng nội lực của đất Gò trong khung cảnh của tỉnh Tiền Giang và rộng hơn trong qui hoạch phát triển kinh tế của ĐBSCL.

(1) Vấn đề chính sách và qui hoạch: Một cách tổng quát, nhằm cải tiến đời sống người dân hiện nay, công tác phát triển kinh tế của ĐBSCL nói chung và vùng Gò Công nói riêng rất quan trọng, cần có những “think tanks” giỏi, những giải pháp ngắn, trung và dài hạn, được thực hiện trên cơ sở tỉnh, vùng và quốc gia qua mô thức phối hợp tổng thể **3P: chính sách, qui hoạch và thực hành** (policy-planning-practice). Nếu một trong 3 yếu tố tối quan trọng này còn thiếu sót, mục tiêu phát triển sẽ không thể đạt kết quả mỹ mãn.

Theo báo cáo trong nước, Đồng Bằng hiện đang đối diện với một nghịch lý về mặt xã hội: ĐBSCL đã sản xuất hơn 50% sản lượng lúa, 90% gạo xuất khẩu, 65% sản lượng thủy hải sản và 70% sản lượng trái cây cả nước; nhưng đời sống của nông dân không chỉ kém về vật chất mà còn nghèo nàn về mặt văn hóa và tinh thần; trình độ học vấn thấp hơn mức bình quân của cả nước (20)!!! Đó là sự mất cân bằng vô lý của phát triển đất nước. Cho nên, ĐBSCL cần phải có chính sách, qui hoạch và thực hành thích đáng, nghĩa là cần một **Master Plan** hay qui hoạch tổng thể chung cho sự phát triển đồng bộ cả vùng, từng tỉnh và thành phố trong công bằng xã hội.

Cần phải đặt lại vấn đề: Đồng Bằng này có nên tiếp tục phát triển lấy nông nghiệp làm căn bản như đã làm từ 3 thế kỷ qua? Nếu không, phải phát triển những gì có lợi ích kinh tế cao? Phải thực hiện như thế nào để được bền vững về cả kinh tế và môi trường trong từng giai đoạn? Tỉnh nào cần phải làm gì, ở đâu và khi nào? Vốn đầu tư? Đã có *qui hoạch tổng thể cấp nhỏ hơn* cho phát triển kinh tế của tỉnh Tiền Giang và các huyện? Trung Quốc đã có qui hoạch tổng thể cho từng khu, miền, đặc biệt các khu đô thị hóa.

Các nước tiến bộ đã chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp qua kinh tế công nghiệp để giúp xứ sở phát triển và giàu mạnh hơn. Nông dân của họ trở thành thiểu số (dưới 10% tổng số dân tộc, riêng Mỹ dưới 1%), nhưng vẫn giàu có do các chính sách trợ cấp vĩ đại từ các lãnh vực khác của nhà nước. ĐBSCL, gồm cả Gò Công cần phải giảm tỉ trọng nông nghiệp, đa dạng hóa sản xuất, chủ yếu giảm bớt diện tích trồng lúa, để dành đất đai cho sản xuất những gì có trị giá kinh tế cao hơn, gồm cả công nghiệp, dịch vụ và du lịch.

(2) Địa lý ưu đãi: Gò Công chỉ cách tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu độ 40 km, chỉ cách Cần Giở, khu công nghiệp cảng Hiệp Phước của Sài Gòn không quá 4 km (sông Soai Rạp), nhưng tại sao Gò Công còn đang ở trong tình trạng yên tĩnh và không được phát triển sống động như đang thấy ở các vùng và tỉnh lân cận? Có phải do thiếu sách lược và quyết tâm chính trị của các nhà lãnh đạo, mà chủ yếu thể hiện qua hạ tầng cơ sở còn yếu kém, nhất là *quốc lộ 50 Gò Công - Sài Gòn* chưa được mở rộng trong hơn 30 năm qua? Trong tầm trung hạn, nếu quốc lộ này được mở rộng đúng tầm mức và thay thế phà Mỹ Lợi bằng chiếc cầu, sẽ đem Gò Công tiếp cận với khu công nghiệp Hiệp Phước và khu đô thị Nam Sài Gòn, tạo nên sức bật cho vùng đất Gò có thể vùng lên. Cũng giống như tỉnh Bến Tre đang sốt ruột chờ cầu Rạch Miễu xây dựng xong để có cơ hội phát triển kinh tế mạnh hơn mức hiện tại. Trong khi chờ đợi, Gò Công nên mở rộng quốc lộ 50 từ Thị xã đến phà Mỹ Lợi độ 13 km để chuẩn bị nối tiếp với phần còn lại.

Trong kế hoạch của “*Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam*” gồm 8 tỉnh và thành phố: Vũng Tàu-Bà Rịa, Đồng Nai, Bình Dương, Sài Gòn, Tây Ninh, Bình Phước, Long An và gần đây thêm Tiền Giang, việc cải tiến quốc lộ 50 đã được đề cập đến, nhưng 80% tuyến đường này thuộc phía đông của tỉnh Long An và nằm trong vùng không có ưu tiên phát triển của tỉnh này. Vùng ưu tiên của Long An nằm ở phía tây, gồm Bến Lức, Đức Huệ, dọc sông Vàm Cỏ Đông nối dài lên Củ Chi để hình thành các đô thị vệ tinh của Sài Gòn (21).

Ngoài ra, ***khu công nghiệp Hiệp Phước thuộc huyện Nhà Bè*** của Thành Phố Sài Gòn đã được thành lập và các bến cảng nằm dọc theo sông Sài Gòn dự tính di dời về bờ phía Tây của sông Soai Rạp trong khu công nghiệp cảng Hiệp Phước trong vòng 10 đến 15 năm sắp tới trong kế hoạch phát triển hướng ra biển Đông của thành phố (22). Bờ phía đông của sông này thuộc xã Tân Phước, Gia Thuận và Vàm Láng, Gò Công Đông. Hai bờ sông chỉ cách nhau 3.750 m ở chỗ rộng nhất. Sự phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam sẽ ảnh hưởng trực tiếp vùng đất Gò Công, nếu chính quyền địa phương biết lợi dụng, khai thác và tiếp cận với các công tác phát triển trọng điểm vùng này.

(3) Vùng biển Đông: Về phía đông, Gò Công rất thuận lợi cho phát triển kinh tế về mặt biển. Hiện nay chỉ có xã Vàm Láng và Tân Thành, cách Thị Xã Gò Công 13-15 Km đường bộ, được phát triển khá mạnh trong ngành đánh cá biển và du lịch và trở nên những vùng có nền kinh tế khá nhộn nhịp, cung cấp nhiều việc làm và đời sống của người dân địa phương sung túc hơn các nơi khác. Ở các cửa biển của sông Soai Rạp, Cửa Tiểu và Cửa Đại cũng có các xóm chài lưới đánh cá nhỏ, có đời sống tương đối khá giả hơn các làng ấp lân cận. Tuy nhiên, nghề đánh cá của Gò Công chưa được tổ chức qui mô, chưa được ***công nghiệp hóa và tập trung đánh cá xa bờ***, nên tiềm năng chưa được khai thác triệt để. Cần lưu ý hơn về phát triển **kinh tế biển**. ***Du lịch biển*** là một tiềm năng mới của đất Gò nếu được qui hoạch và đầu tư.

(4) Vùng đất mặn ven biển: Bờ biển trải dài từ bờ sông Soai Rạp đến Cửa Đại, ít bị bão tố, ngoại trừ trận bão lụt năm Giáp Thìn 1.904. Biển có sóng lớn cao nhất từ tháng 10 đến tháng 2, khi chịu ảnh hưởng của gió đông bắc (gió chướng) và thủy triều biển Đông. Khu vực ven biển được phù sa bồi đắp quanh năm, nên có một số cồn mới được thành lập có triển vọng kinh tế, như cồn Vân Liễu, cồn Ông Mão, cồn Ngang, cồn Vượt (1).

Đọc theo bờ biển có **rừng cây ngập nước**, thuở xưa dày đặc, còn gọi là rừng phòng hộ Gò Công hay rừng chắn sóng ven biển, gồm các loại bần mắm, đước, dừa nước, phi lao. Dãy rừng này đã bị hủy diệt gần hết bởi thuốc khai quang trong thời chiến tranh (1960s), nay phục hồi, nhưng còn thưa và thấp, có nhiệm vụ thiên nhiên chắn sóng và thủy triều của Biển Đông để không làm xói bờ biển và bảo đảm cho khu ngọt hóa của Gò Công Đông. Tuy nhiên, sự lạm dụng khai thác làm cho khu rừng ngày càng mỏng đi, hiện nay chỉ còn 1.600 ha. Trong đó có 350 ha rừng phòng giữ, chắn che cho tuyến đê ngăn mặn dài 21 km. Theo thống kê, trong 15 năm qua khu rừng phòng hộ Gò Công bị mất 15 ha/năm. Điều đó đang đặt khu rừng này và tuyến đê vào tình trạng nguy hiểm trong mùa mưa bão hàng năm. Nếu không có biện pháp ngăn chặn khai thác bừa bãi kịp thời, nước mặn xâm thực, thủy triều có thể phá vỡ con đê ngăn mặn và ảnh hưởng đến nguồn nước ngọt hóa và sự trồng trọt của ít nhất 7.800 ha đất tự nhiên và trên 23.000 dân (23). Hiện nay, có một đoạn đê ngăn mặn không còn rừng chắn ở vùng biển Tân Thành, nên bị thủy triều phá vỡ, nước mặn xâm nhập làm cho nhiều ruộng lúa gần đó không thể trồng trọt.

Trong 4-5 năm nay, dân cư dọc theo ven biển Đông đã bắt đầu khai thác nuôi tôm sú và thủy sản khác, làm thay đổi tình trạng kinh tế của vùng ven biển, từ nghèo khó trở nên phát đạt. Cần lưu ý, theo kinh nghiệm của Thái Lan, Đài Loan, Trung Quốc và gần đây ở Cà Mau, Bạc Liêu cho biết rằng ngành nuôi tôm thường bị xuống dốc và tiếp theo sụp đổ sau 5-6 năm khai thác, nếu sự khai thác này không theo đúng qui trình kỹ thuật, nhất là tình trạng vệ sinh môi trường, hệ thống thoát nước không được thiết lập đúng tiêu chuẩn. Do đó, việc nuôi tôm dọc theo ven biển cần phải theo dõi cẩn thận để vừa có thể khai thác công nghiệp nuôi tôm và các loài cá khác được vững bền và vừa bảo tồn rừng chắn thiên nhiên để tránh thiên tai, xâm nhập của nước mặn và xói mòn bờ biển.

Ngoài ra, **cụm công nghiệp Vàm Láng vừa được chấp thuận**, cần được qui hoạch và phát triển mau lẹ để đóng góp lớn hơn vào nền kinh tế của huyện. Gần đây, **khu Công Nghiệp Tàu Thủy Soai Rạp** rộng hơn 600 ha cũng đang hình thành trên địa bàn **Gia Thuận và Vàm Láng** đáng được hoan nghinh, vì suốt bờ biển của ĐBSCL, từ Gò Công đến Hà Tiên chưa có loại cảng như thế. Ngoài ra, cần kết hợp cảng này với ngành du lịch biển của ĐBSCL.

Cần đẩy mạnh nhiều hơn nữa tổ chức **điều nghiên tiềm năng dầu và khí của vùng biển và lục địa ĐBSCL** gồm cả Tiền Giang. Công tác này chưa được đặt đúng tầm quan trọng hiện nay.

(5) Nước ngọt hóa và công nghiệp hóa: Hệ thống ngọt hóa của Gò Công Đông nên được bảo quản kỹ lưỡng để vừa giúp dân có đủ nước ngọt sinh sống trong mùa nắng và vừa giúp thâm canh vụ, tăng lợi tức nông dân. Nhờ nước ngọt cả vùng Gò Công có thể khai thác trồng trọt các hoa quả có giá trị kinh tế cao, như là rau cải, bông hoa để cung cấp cho thị trường địa phương và thị trường béo bở Sài Gòn. Đặc biệt hơn hết, cần chú trọng đến hệ thống sản xuất ***các loại đặc sản nổi tiếng*** của vùng để xuất khẩu, như mắm tôm chà, mắm tôm chua, dưa hấu, sơ ri, măng cầu, đồ mộc... dưới hình thức công nghiệp hóa thay vì hình thức gia đình. Cần chú ý nhiều hơn ***ngành mộc*** để xuất khẩu qua Mỹ và Âu Châu vì hai thị trường này đang có triển vọng tiêu thụ cao nhất trên thế giới hiện nay. Cần ***phát triển công nghiệp biến chế bảo quản*** cho các đặc sản nêu trên và hải thủy sản, nhắm vào thị trường lớn như Sài Gòn, các tỉnh láng giềng và xuất khẩu ra ngoại quốc. ***Điều kiện tiên quyết để xâm nhập vào các thị trường thế giới, các nông sản, đặc biệt các loại cây ăn quả và biến chế phẩm phải có chất lượng cao và sức cạnh tranh lớn.***

Thành lập **Cụm Công Nghiệp Long Hưng** (thị xã Gò Công) là một dự án tốt, có chiều hướng tích cực cho phát triển vùng đất Gò, nhưng cụm Công Nghiệp này chỉ thật sự phát triển mạnh khi quốc lộ 50 được nâng cấp đúng mức và cây cầu Mỹ Lợi được xây cất xong để thu hút đầu tư và vận tải hàng hóa đến bến cảng và nơi tiêu thụ mau lẹ.

(6) Phát triển du lịch: Du lịch là một thành phần quan trọng của nền kinh tế trong một quốc gia. Nước Ý, Pháp, kỹ nghệ du lịch đứng đầu trong đóng góp vào GDP của họ, hơn cả ngành công nghiệp. Trên thế giới, hơn 40% lợi tức do từ dịch vụ du lịch. Riêng ngành du lịch của đất Gò Công còn rất yếu vì không có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng trong nước. Nhưng, vùng này có bãi biển du lịch Tân Thành dành cho dân Gò Công và các tỉnh vùng lân cận như Mỹ Tho, Bến Tre và Long An, vì đường đi không xa lắm so với bãi biển Vũng Tàu, Bà Rịa. Ngoài ra, còn có các di tích lịch sử, như Lăng Phạm Đăng Hưng, Lăng mộ Trương Công Định, Đám Lá Tối Trời, Đầm Vạn Thắng, Pháo Đài... Vậy phải làm thế nào để cổ động ngành du lịch ở đất Gò?

Trước hết cần **chấn hưng, phát triển các di tích lịch sử** và thắng cảnh hiện có, đồng thời phổ biến thật rộng rãi các di tích và thắng cảnh cải tiến đó khắp nước.

(i) Trong ***công tác chấn hưng và phát triển***, cần đa dạng hóa giải trí cho người du lịch và cần có các điểm du lịch chuyên biệt của vùng, không giống với du lịch của các tỉnh khác. Đối với Gò Công, ***di tích lịch sử*** là các điểm du lịch riêng biệt của vùng. Về anh hùng Trương Định, cần tái lập các địa danh nổi tiếng liên hệ đến Ông, chủ yếu lập một khu Đám Lá Tối Trời độ vài hecta ở xã Gia Thuận, nơi đây là chiến khu kháng Pháp cuối cùng của Ông, đồng thời trùng tu tái lập “Khuông Đất Vinh” (sau này là Ao Vinh) nơi Ông tuần tiết ở xã Tân Phước, và tái thiết lũy Pháo Đài ở cù lao Lợi Quan (giữa sông Cửa Tiểu và Cửa Đại). Tái lập một phần của Đầm Vạn Thắng (với lũy tre, đầm nước ở xã Bình Ân), tu bổ đền thờ ở Gò Tre để ghi nhớ chiến công của người hùng Võ Tánh và thu hút du khách bốn phương.

Ở nước Ý, các di tích lịch sử cách nay hơn 2.000 năm thật sự đã bị thời gian hủy diệt hoàn toàn, nhưng được người Ý đầu tư nhiều năm trong công tác phục hưng và tái lập để thu hút khách du lịch trên thế giới, như đấu trường Colosseum, Tòa Thánh Vatican, Khải hoàn môn Constantine ở thành phố Rome; thành phố Pompei bị núi lửa chôn vùi ở tỉnh Naples...

Cần tái lập cánh rừng trầm, được ở gần biển Tân Thành, tạo nên một điểm du lịch sinh thái cho du khách đến viếng thăm sau khi đến biển Tân Thành nghỉ ngơi, để làm tăng thêm sự thu hút của điểm du lịch này. Ngoài ra ***cần kết hợp với các chương trình du lịch của Tỉnh Tiền Giang, Bến Tre và Long An*** để làm phong phú ngành du lịch đất Gò thu hút du khách nhiều hơn.

(ii) *Cần phổ biến, giới thiệu rộng rãi các địa điểm du lịch lịch sử, thắng cảnh và đặc sản của đất Khổng Tước Nguyên, đặc biệt qua trang **website trên Internet**. Đến nay, Gò Công chưa có một website chuyên đề du lịch và giới thiệu đất nước Gò Công. Người ngoài tỉnh và ngoại quốc rất khó khăn để tìm hiểu thông tin về con người và các điểm đặc thù nổi bật của vùng này trên Internet. Trang web của Tiền Giang hiện nay giới thiệu quá sơ lược về vùng đất Gò Công, không đủ sức hấp dẫn đầu tư và du lịch từ phương xa.*

(iii) *Cần lập các dự án chi tiết và khả thi cho phát triển các loại đặc sản, hải sản, đồ mộc để xuất khẩu, du lịch và hạ tầng cơ sở (đường sá, bến cảng, cầu Mỹ Lợi...) để trình trung ương duyệt xét và trợ cấp đồng thời kêu gọi đầu tư của chính phủ, doanh nghiệp nước ngoài và tư nhân. Đầu tư của Việt Kiều đồng hương cần được cổ vũ và khuyến khích thực tâm. **Đặc biệt cần có nỗ lực nhiều hơn để tiếp cận, khai thác các hoạt động của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các Cụm Công Nghiệp đang hình thành trong Huyện** cho nhu cầu phát triển kinh tế của vùng đất Gò. **Cầu Mỹ Lợi cần được xây cất càng sớm càng tốt.***

5. Kết Luận

Gò Công là vùng đất sớm được khai thác của đồng bằng sông Cửu Long rất trù phú và đã trở thành vựa lúa của Miền Nam trong suốt thế kỷ XIX; nhưng sau đó, tầm quan trọng kinh tế của nơi này giảm dần cho đến nay; trong khi dân chúng ngày càng đông đảo, đất đai bị khai thác kiệt quệ. Vùng đất Gò có địa thế ưu đãi, nhưng không được triệt để lợi dụng khai thác, đã trở thành cô lập, ít có du khách và nguồn đầu tư từ bên ngoài. Vì vậy, nền kinh tế phát triển chậm so với các tỉnh và vùng lân cận. Nhiều thanh niên đã bỏ làng ấp để đến các khu công nghiệp ngoại vùng tìm việc sinh sống. Cả vùng trông có vẻ yên lặng, ngay ở thị xã Gò Công với ít chiếc xe hơi qua lại vào lúc cao điểm. Cho nên, phải làm thế nào để tạo nên sức sống năng động của hai huyện nhà trong thời kỳ đổi mới? Đây là câu hỏi trăn trở của nhiều người quan tâm ở đất Gò.

Rõ ràng sự năng động kinh tế của vùng đất Gò Công chỉ có thể xảy ra khi ba sự kiện sau đây trở thành sự thật để tạo nên sức bật xúc tác đáng kể:

(1) Khi các cấp lãnh đạo liên hệ có quyết tâm chính trị cao, được thể hiện qua chính sách, qui hoạch hữu hiệu và thực hiện đúng mức đúng lúc để phát huy tối đa tiềm năng kinh tế hiện có của vùng, đặc biệt phát triển các khu công nghiệp hóa.

(2) Khi địa bàn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam được **thật sự** mở rộng thêm cho tỉnh Tiền Giang (Gò Công chỉ cách xa Sài Gòn như Long An, Bà Rịa-Vũng Tàu và cách xa khu công nghiệp cảng Hiệp Phước của Thành Phố không quá 2 cây số. Gò Công cần hiện diện rõ nét trong vùng kinh tế trọng điểm này.

(3) Khi quốc lộ 50 nối Gò Công-Sài Gòn được mở rộng, cầu Mỹ Lợi được xây cất để thay thế chiếc phà chậm chạp, giúp giao thông được dễ dàng và nhanh chóng hơn. Đến bao giờ?

Trần Văn Đạt, Ph. D.

15/8/2006

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tiền Giang online. 2006. Giới thiệu chung/Huyện, thị, thành phố, <http://www.tiengiang.gov.vn/>
2. Hội Ái Hữu Gò Công tại Hoa Kỳ. 2000. Lịch sử tỉnh Gò Công. *Giai phẩm Xuân Canh Thìn 2000*, trang 3-42.
3. Nguyễn Phan Quang và Lê Hữu Phước. 2001. *Khởi nghĩa Trương Định*. NXB Trẻ, TP/HCM, 180 trang.
4. Thái Công Tụng. 2000. Các vấn đề đa dạng sinh học ở Việt nam. *Tập san Định Hướng*, Pháp Quốc, số 24:92-107.
5. Lưu Tỳ, Nguyễn Thế Tiếp, Nguyễn Tú Dân và Ngô thị Hồng. 1985. Đặc điểm địa mạo thêm lục địa Việt Nam và các vùng kế cận. *Khảo Cổ Học*, sp 61 2-1985.
6. Trung Tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Quốc Gia. 1998. *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Tập I* (Quốc sử quán triều Nguyễn). NXB Giáo Dục, 1.207 trang.
7. Viện Khảo Cổ Học. 1998. *Khảo cổ học Việt Nam – Tập I: Thời đại đá Việt Nam*. NXB Khoa Học Xã Hội, 457 trang.
8. Stark, M. 1999. Introduction to the lower Mekong archaeological project. <http://www.btinternet.com/~andy.brouwer/aborei.htm>
9. Phạm Văn Sơn. 1960. *Việt Sử Toàn Thư; Từ thượng cổ đến hiện đại*. In ở Đài Loan, 738 trang.
10. Huỳnh Văn Lang. 2005. Công Chúa Ngọc Vạn. *Tập san nghiên cứu Văn Hóa Đồng Nai – Cửu Long*, số 2, Tả Quân Lê Văn Duyệt Foundation ấn hành, trang 50-74.
11. Ban Tuyên Huấn Huyện Gò Công Đông. *Gò Công với cuộc kháng chiến anh hùng dân tộc Trương Định* (bản đánh máy, tài liệu của Thị xã Gò Công).

12. Trần Văn Đạt. 2001. *Tiến trình sản xuất lúa gạo tại Việt Nam: từ thời nguyên thủy đến hiện đại*. NXB Nông Nghiệp, 315 trang.
13. Sơn Nam. 2000. *Lịch sử khẩn hoang Miền Nam*. NXB Xuân Thu, Los Alamitos, California, 330 trang.
14. Trần Văn Hữu. 1827. *La riziculture en Cochinchine*. Agence économique de l'Indochine, Paris, Pháp, 31 trang.
15. Capus, G. 1918. Les rix d'Indochines. Trong: *Annales de géographie*, Librairie de l'Indochine, Paris, Pháp, 11 trang.
16. Huỳnh Minh. 1969. *Gò Công xưa và nay*. NXB Xuân Thu, California, Mỹ quốc, 264 trang.
17. Tôn Thất An Cựu. *Hoàng Hậu Nam Phương*, (<http://vietsciences.free.fr/vietnam/danhnhan/vua/chuongtrinhphanphuluc.htm>).
18. Hội Ái Hữu Gò Công tại Hoa Kỳ. 2005. Đặc sản của Gò Công: Xơ ri bổ dưỡng. *Đặc Sản Gò Công 2005*, số 8, trang 75.
19. Tiền Giang. 2006. Mục kinh tế-xã hội: thủy sản. <http://www.tiengiang.gov.vn/>
20. Tô Văn Giai. 2006. Ba giải pháp góp phần xóa đói, giảm nghèo ở đồng bằng sông Cửu Long. *Tuổi Trẻ online* (<http://www.tuoitre.com.vn>)
21. Đặng Vỹ. 2006. Hiệp Phước trở thành cụm cảng trung tâm. (<http://www.vietnamnet.vn>)
22. Đặng Đại. 2006. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam Loay hoay đầu tàu phát triển – Bài 2: Bao giờ có nhạc trưởng? *Tuổi Trẻ online* (<http://www.tuoitre.com.vn>).
23. Tấn Vũ. 2006. Rừng Mỏng dần - Đê nguy hiểm. Tin Tức Sự Kiện, *Tiền Giang* (<http://tiengiang.gov.vn>).